TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HN-ST
Ngày: 09/7/2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Tích

2. Ông Nguyễn Văn Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Diễm– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐST - HN ngày 04 tháng 6 năm 2019 (Và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST - HN ngày 24 tháng 6 năm 2019 ngày giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

2- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2019 trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị T và anh Huỳnh Văn T1 kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C vào ngày 20/8/1996. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Vợ chồng có với nhau 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 15/02/1996, Huỳnh Thị Cẩm T3, sinh ngày 13/12/1998. Từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn không

thể hòa giải được. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh T1 thay đổi tính tình, không chăm lo kinh tế gia đình, có nhiều mối quan hệ bất chính bên ngoài, thường nhậu say về cáo gắt, xúc phạm, đánh đập chị T. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân cùng nhau. Trong suốt quá trình tố tụng, chị T cho rằng tình cảm với anh T1 không còn, đã rất nhiều lần chị T tạo cơ hội cho anh T1 cải sửa tính tình để vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng anh T1 không hề thay đổi. Do đó, cuộc hôn nhân giữa chị và anh T1 nếu có duy trì cũng không hạnh phúc. Vì vậy chị T yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Hai con chung Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 15/02/1996, Huỳnh Thị Cẩm T3, sinh ngày 13/12/1998 đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên khi ly hôn chị T không có yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không tranh chấp

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 27/5/2019 anh T1 xác định lời trình bày của chị T là đúng, vì ghen tuông nên anh có những xử sự không đúng đối với chị T. Hiện anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 27/05/2019 của Tòa án tại xã B xác định được: hôn nhân của chị T và anh T1 được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Giữa chị T và anh T1 có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do anh T1 thường nhậu say về đánh, chửi chị T, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ thời gian nào thì địa phương không nắm rõ. Về 02 con chung của chị T và anh T1 đều đã trưởng thành.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh T1 để tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do là chưa tuân thủ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó,vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung đều đã trưởng thành nên không có đề nghị gì.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: Anh Huỳnh Văn T1 được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Huỳnh Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 20 tháng 8 năm 1996 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn đến tháng 2017 năm thì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, từ năm 2018 chị T và anh T1 đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T1 gia trưởng, thiếu chăm lo kinh tế gia đình và không tôn trọng chị T. Thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Khi biết chị T có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn cùng anh T1 thì anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không thực sự thể hiện thiện chí cải sửa để hàn gắn; Riêng chị T thì vẫn kiên quyết yêu cầu tòa án cho ly hôn. Qua đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng chị T, anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 15/02/1996, Huỳnh Thị Cẩm T3, sinh ngày 13/12/1998 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét đến

[4]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: không có nên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T ly hôn với anh Huỳnh Văn T1.

2. Về con chung: Huỳnh Thị Kim T2, sinh ngày 15/02/1996, Huỳnh Thị Cẩm T3, sinh ngày 13/12/1998 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét đến

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp số tiền án phí ly hôn hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002022 ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
	Trần Thị Phương Nhi